TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 147/2025/HS-PT
Ngày 04 tháng 3 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các thẩm phán: Ông Ngô Tự Học
Ông Phạm Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 104/2025/TLPT-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo Triệu Thị N, Trần Quốc V. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2024/HS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Triệu Thị N, sinh ngày 14/6/1993 tại Quảng Ninh; nơi đăng ký HKTT: xóm P, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở: thôn C, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông Triệu Văn Q và bà Trịnh Thị C; có chồng là Bùi Văn V1 (hiện đang sống ly thân) và 03 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh ngày 18/10/2024); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 13/8/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (Bản án số 197/2012/HSST); ngày 24/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp với hình phạt của Bản án số 197/2012/HSST nêu trên, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 30 tháng tù (Bản án số 33/2013HSST), đã chấp hành xong bản án này năm 2016; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt).

2. Trần Quốc V, sinh ngày 29/6/1983 tại Hải Phòng; nơi đăng ký HKTT: 2 Đ, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở: thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị O; có vợ là Vũ Thị N1 và có 02 con (cùng sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 17/5/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (Bản án số 99/2006/HSST), đã chấp hành xong bản án năm 2017; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị N (do Tòa án chỉ định): Bà Dương Thị H, Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc V (do Tòa án chỉ định): Ông Nguyễn Bùi H1, Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 10 phút ngày 16/5/2024, tại khu vực Tổ H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T, bắt quả tang Triệu Thị N đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 01 túi nilon màu đen bên trong có 05 túi nilon màu trắng đều có chứa chất tinh thể màu trắng được niêm phong ký hiệu A (N khai là ma túy của mình mục đích để bán cho khách); 01 điện thoại di động nhãn hiệu HONOR, gắn thẻ sim có số thuê bao 0879406539; 01 thẻ căn cước công dân số 022193007204 mang tên Triệu Thị N. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản, niêm phong vật chứng và đưa đối tượng về trụ sở cơ quan điều tra để tiếp tục làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, N khai số ma túy Methamphetamine mà N mang lên thành phố T để bán là của Trần Quốc V (sinh năm 1983; trú tại: 2 Đ, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng).

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã mở rộng điều tra, thực hiện Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Quốc V. Khám xét tạm giữ của V: 01 điện thoại di động IPHONE vỏ màu vàng, có lắp sim số thuê bao 0962628199; 01 điện thoại di động IPHONE vỏ màu hồng, có lắp sim số thuê bao 0359393283; 01 ví giả da màu đen bên trong có 1.600.000 đồng; 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe đều mang tên Trần Quốc V; 01 xe ô tô VINFAST mầu xám, biển kiểm soát 15K-184.96; 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô 15K-839.36; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 15K-184.96 mang tên Nguyễn Hữu P.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T khám xét khẩn cấp chỗ ở của Triệu Thị N tại thôn C, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; kết quả đã phát

hiện, thu giữ 01 chiếc cân điện tử hiệu POCKETSCALE màu đen dưới gầm tủ lạnh trong phòng ở của N. Đồng thời, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Quốc V tại thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, kết quả không phát hiện thu giữ gì.

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định đối với số chất ma túy thu giữ của Triệu Thị N, kết quả: Bì niêm phong ký hiệu A: cân toàn bộ số chất tinh thể màu trắng có khối lượng 499,62 gam, lấy 4,83 gam niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định, còn lại 494,79 gam niêm phong ký hiệu A2 lưu kho.

Mở kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu HONOR có lắp sim thuê bao 0879.406.539 thu giữ của Triệu Thị N: Phần nhật ký cuộc gọi, mục cuộc gọi nhỡ có 41 cuộc từ số thuê bao 0359.393.283; phần tin nhắn có liên lạc với số thuê bao 0359.393.283, đã chụp ảnh màn hình nội dung tin nhắn đi, đến giữa hai thuê bao; kiểm tra ứng dụng mạng xã hội Telegram thấy tài khoản Telegram trên máy điện thoại của Triệu Thị N có tên là "Hiếu quyên Hiếu quyên" được đăng ký số thuê bao 0879.406.539, tại phần tin nhắn Telegram có liên lạc nhắn tin, gọi điện thoại qua lại với tài khoản mang tên "A Việt" đăng ký bằng số thuê bao 0359.393.283. Quá trình kiểm tra đã chụp ảnh màn hình nội dung tin nhắn và các cuộc gọi đi, gọi đến giữa hai tài khoản T.

Mở kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu IPHONE màu hồng có lắp sim thuê bao 0359.393.283 thu giữ của Trần Quốc V: Phần nhật ký cuộc gọi, mục cuộc gọi bị hủy ngày 16/5/2024 có 38 cuộc gọi từ số thuê bao 0359.393.283 đến số thuê bao 0879.406.539 được lưu trong danh bạ với tên "H2-L-Quy" đã tiến hành chụp ảnh màn hình; phần tin nhắn có liên lạc với số thuê bao 0879.406.539 được lưu trong danh bạ với tên "H2-L-Quy" đã tiến hành chụp ảnh màn hình; kiểm tra ứng dụng mạng xã hội Telegram thấy tài khoản Telegram trên máy điện thoại của Trần Quốc V có tên là "Hong Kong" được đăng ký số thuê bao 0359.393.283, tại phần tin nhắn Telegram có liên lạc nhắn tin, gọi điện thoại qua lại với tài khoản mang tên "H2-L-Quy" đăng ký bằng số thuê bao 0879.406.539. Quá trình kiểm tra đã chụp ảnh màn hình nội dung tin nhắn và các cuộc gọi đi, gọi đến giữa hai tài khoản T.

Tại Biên bản làm việc lập hồi 14 giờ ngày 17/5/2024, về nội dung: Thu thập hình ảnh trong điện thoại của Triệu Thị N, theo N khai đây là ảnh N dùng điện thoại cá nhân của mình chụp từ phía sau Trần Quốc V đang ngồi tại phòng trọ của N để cân và chia ma túy ra thành nhiều túi nilon.

Tại bản Kết luận giám định số 629/KL-KTHS ngày 24/5/2024, Phòng K kết luận: Mẫu chất tinh thể màu trong bì niêm phong A1 gửi giám định là chất ma tuý, loại Methamphetamine, khối lượng là 499,62 gam.

Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Ngày 15/5/2024, Trần Quốc V đến khu vực trạm dừng nghỉ Hải Dương trên đường C - Hà Nội thuộc địa phận tỉnh Hải Dương để gặp người tên T1 (không rõ họ tên địa chỉ) nhận 2 gói ma tuý đá về bán kiếm lời, nếu bán được T1 sẽ trả công

cho V số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó, V gọi điện thoại cho Triệu Thị N để mang số ma túy và cân điện tử đã nhận được của T1 đến gặp N rồi gửi ma túy tại đó, sau đó V đi có việc. Đến khoảng 17 giờ V quay lại phòng trọ của N, khi đó N đang có mặt; V đã dùng cân điện chia nhỏ số ma túy ra 05 túi nilon màu trắng, bên trong mỗi túi đều có chứa khoảng 100 gam rồi để lại phòng trọ của N chờ khi có khách mua ma tuý thì sẽ bán. Do trước đó giữa V và N đã thống nhất với nhau là N cho V gửi ma túy tại phòng trọ của N, mỗi lần gửi thì V sẽ cho N một số tiền; ngoài ra, nếu N có khách mua ma tuý thì cứ chủ động liên hệ với khách, khi nào gặp khách thì liên lạc với V để V nói chuyện và thống nhất giá bán ma tuý với khách, nếu bán được ma tuý thì V sẽ cho N 5.000.000 đồng. Khoảng 21 giờ 30’ ngày 15/5/2024, N không nói với V mà tự chủ động mang theo số ma túy của V và gọi xe taxi đi từ phòng trọ của mình lên Thái Nguyên để tìm khách bán. Đến khoảng 10 giờ 10’ ngày 16/5/2024, khi N đến khu vực Tổ H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên thì bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T, bắt quả tang thu giữ vật chứng như nêu trên.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2024/HS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Triệu Thị N, Trần Quốc V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; các điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Thị N tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2024; phạt bổ sung bị cáo Triệu Thị N 07 (bảy) triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Quốc V tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2024; phạt bổ sung bị cáo Trần Quốc V 07 (bảy) triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định.

3. Kháng cáo, kháng nghị:

3.1. Ngày 23/12/2024, bị cáo Triệu Thị N và bị cáo Trần Quốc V có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm cùng với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

3.2. Ngày 25/12/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 451/QĐ-VKS kháng nghị phúc thẩm một phần Bản án sơ thẩm về hình phạt chính đối với bị cáo Triệu Thị N, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo N xuống còn 20 năm tù.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

4.1. Bị cáo Triệu Thị N giữ nguyên đơn kháng cáo.

4.2. Bị cáo Trần Quốc V xin thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo chỉ phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chứ không

phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

4.3. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Triệu Thị N, Trần Quốc V về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại phiên toà, bị cáo V cho rằng chỉ phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là do nhận thức của bị cáo chưa đầy đủ; bị cáo V có nhân thân xấu, đã bị xử phạt 15 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" nay lại tiếp tục phạm tội. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo V tù chung thân là phù hợp, đúng pháp luật. Đối với bị cáo N, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra bị cáo mang thai, khi xét xử sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo sinh con và nuôi con nhỏ. Do đó, kháng cáo của bị cáo N và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo N là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo V; chấp nhận kháng cáo của bị cáo N và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, giảm hình phạt cho bị cáo N từ tù chung thân xuống 20 năm tù.

4.4. Người bào chữa cho các bị cáo phát biểu ý kiến:

Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc V là Luật sư Nguyễn Bùi H1 phát biểu: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo V đã thành khẩn nhận tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo N và các chứng cứ khác. Đến phiên tòa phúc thẩm bị cáo V lại thay đổi lời khai đề nghị xem xét lại tội danh, việc bị cáo cho rằng chỉ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là do nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế. Bị cáo có vai trò thứ hai trong vụ án, số lượng ma túy tuy ở mức độ cao nhưng bị cáo thụ động, do người khác mang tới và bị cáo đã khai báo thành khẩn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo V, giảm hình phạt cho bị cáo V từ tù chung thân xuống 20 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị N là Luật sư Dương Thị H phát biểu: Bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra bị cáo mang thai; đến khi xét xử thì bị cáo sinh con và hiện đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh rất khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo N để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, giảm hình phạt cho bị cáo N từ tù chung thân xuống 20 năm tù và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, xem xét công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Do trước đây Trần Quốc V và Triệu Thị N đã có lần thống nhất việc mua bán ma túy để kiếm lời, mỗi lần bán được ma tuý thì V sẽ trả cho N 5.000.000 đồng. Ngày 15/5/2024, Trần Quốc V đến khu vực trạm dừng nghỉ H4 trên đường C - Hà Nội thuộc địa phận tỉnh Hải Dương gặp một người Việt khai tên là "T1" (V không biết cụ thể họ tên, địa chỉ) để nhận 499,62 gam ma tuý Methamphetamine về bán, nếu bán được thì "Tồ" sẽ trả công cho V 15.000.000 đồng; sau đó, V mang ma túy về phòng trọ của N, dùng cân điện tử phân chia ra làm 05 gói nhỏ và nhờ N cất dấu, chờ khi có khách mua thì bán. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 15/5/2024, N mang theo số ma túy trên lên khu vực Tổ H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên tìm khách mua để bán thì bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma tuý.

Với những hành vi trên, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Triệu Thị N, Trần Quốc V phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" thuộc trường hợp "Methamphetamine,… có khối lượng 100 gam trở lên" quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Việc tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo V cho rằng bị cáo chỉ nhận tạm giữ hộ cho "Tồ" số ma tuý trên là không phù hợp với lời khai của bị cáo N, cũng không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ việc. Do đó, nội dung kháng cáo bị cáo V thay đổi tại phiên toà phúc thẩm cho rằng hành vi của bị cáo chỉ phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về căn cứ quyết định hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả từ hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng của các bị cáo. Đồng thời, đã xem xét các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều khai báo thành khẩn, tỏ thái độ ăn năn, hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Nguyệt thực H3 hành vi phạm tội khi đang mang thai nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, đã cân nhắc và quyết định xử phạt cả hai bị cáo Triệu Thị N, Trần Quốc V tù chung thân và phạt bổ sung mỗi bị cáo 7.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo N thì thấy:

Đối với bị cáo Trần Quốc V: Ngoài những căn cứ mà Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng để quyết định hình phạt nêu trên thì trong vụ án này bị cáo V có vai trò

cao hơn bị cáo N. Sau khi trực tiếp đi lấy ma tuý về, V đã dùng cân điện tử chia thành 05 gói nhỏ rồi giao cho bị cáo N cất dấu để khi có người cần mua thì mang đi bán. Về nhân thân của bị cáo V vào năm 2006 đã bị Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", mới chấp hành xong hình phạt năm 2017 nay lại tiếp tục phạm tội này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ hoặc lý do nào mới làm căn cứ giảm hình phạt nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo V.

Đối với bị cáo Triệu Thị N: Bị cáo cũng có nhân thân xấu, đã 02 lần bị kết án nhưng về loại tội phạm khác và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (ngày 13/8/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; ngày 24/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của 02 bản án năm 2016). Trong vụ án này, bị cáo là đồng phạm với Trần Quốc V thực hiện hành vi "Mua bán trái phép chất ma tuý" nhưng có vai trò thấp hơn bị cáo V; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào và được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; ngoài ra, trên cơ sở lời khai của bị cáo tại phiên toà và xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy hoàn cảnh của bị cáo hiện rất khó khăn do vợ chồng đã ly thân, có 03 con nhỏ (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất mới sinh ngày 18/10/2024). Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên để sửa một phần bản án sơ thẩm giảm cho bị cáo Triệu Thị N một phần hình phạt, vừa bảo đảm thực thi chính sách nhân đạo của pháp luật nhưng cũng bảo đảm tính nghiêm minh đối với người phạm tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ vào các điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, do bị cáo Trần Quốc V có kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu theo quy định; bị cáo Triệu Thị N có kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quốc V; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2024/HS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc V.

Áp dụng điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Quốc V tù chung thân, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2024; phạt bổ sung bị cáo Trần Quốc V 7.000.000 (bảy triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Triệu Thị N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2024/HS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phần hình phạt chính đối với bị cáo Triệu Thị N.

Áp dụng điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 251; các điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Thị N 20 (hai mươi) năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2024; phạt bổ sung bị cáo Triệu Thị N 7.000.000 (bảy triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Triệu Thị N không phải chịu; bị cáo Trần Quốc V phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 04 tháng 3 năm 2025).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- Các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền